

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 30/2026/DS-PT
Ngày 09-09-2026
V/v: Tranh chấp quyền sử
dụng đất.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lại Thị Hiếu.

Các thẩm phán:

Ông Phạm Tuấn Minh

Bà Tòng Thị Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nam – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Lan - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20/8/2026 và 09/09/2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La

xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 38/2026/DSPT ngày 15/07/2026 về việc Tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 07/2026/DS-ST ngày 05/06/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Sơn La bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 40/2026/QĐ-PT ngày 04 tháng 08 năm 2026 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 74/2026/QĐPT-DS ngày 20 tháng 8 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Hoàng Văn C, sinh năm 1972 và bà Quàng Thị Ó, sinh năm 1971. Địa chỉ: Bản N, xã Y, tỉnh Sơn La. Đều có mặt

- Bị đơn: Ông Hoàng Văn K, sinh năm 1959 và bà Lò Thị S, sinh năm 1963. Địa chỉ: Bản N, xã Y, tỉnh Sơn La. Đều có mặt

Người kháng cáo: Nguyên đơn Ông Hoàng Văn C và bà Quàng Thị Ó.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn ông Hoàng Văn C và bà Quàng Thị Ó trình bày:***

Ông Hoàng Văn C có bố là Hoàng Văn B (Bọc) và mẹ là Hà Thị S1, hai cụ sinh được 04 người con gái và 04 người con trai, ông C là con trai út, trước năm 1994 các anh chị trong nhà đã lập gia đình riêng và đã được chia tài sản đất đai theo phần của mỗi người, riêng ông C là con út nên sống cùng với ông B bà S1. Năm 1995 ông C thuê máy xúc đất làm 1.032m² đất ao cá và sản xuất trên diện tích đất ông bà để lại cho sau đó đến năm 1999 ông C được UBND huyện Yên Châu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ) gồm đất Ao, đất trồng cây lâu năm, và đất ruộng, theo GCNQSDĐ số Q128031 với tổng diện tích đất 19.253m².

Đến năm 2004 cụ Hoàng Văn B chết, sau đó do mâu thuẫn gia đình nên cụ Hà Thị S1 chuyển sang ở cùng gia đình ông Hoàng Văn K (Anh trai ruột ông C) và bà Lò Thị S, trước khi cụ S1 chuyển nơi ở, anh em họ hàng đã bàn bạc và đồng thuận nhất trí cho cụ S1 chuyển sang ở với ông K bà S, không có mâu thuẫn gì. Với trách nhiệm là con để đảm bảo cuộc sống cho cụ S1 ông đã cho ông K mượn các thửa đất mà hiện nay đang tranh chấp.

Đến năm 2018 cụ Hà Thị S1 chết, phần đất của ông C đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện nay đang tranh chấp thì ông Hoàng Văn K vẫn sử dụng từ năm 2018 cho đến nay. Trong thời gian ông K sử dụng các thửa đất trên ông C đã nhiều lần đến gặp và đề nghị ông K trả lại những thửa đất mà ông C đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng, nhưng vợ chồng ông K không trả lại, ông C đã đưa vụ việc ra bản, rồi UBND xã để giải quyết, nhưng vẫn không thỏa thuận được.

Vì vậy ông bà viết đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 4 - Sơn La buộc ông Hoàng Văn K và bà Lò Thị S trả lại cho gia đình ông bà những diện tích đất sau:

Diện tích 1.032 m² đất ao cá, tại thửa số 18, tờ bản đồ số 326426-2d, địa chỉ thửa đất tại L, bản N, xã Y, tỉnh Sơn La;

Diện tích 100 m² đất ruộng, được tách từ thửa đất số 468A, tờ bản đồ số 329426-6d, địa chỉ thửa đất tại N, bản N, xã Y, tỉnh Sơn La;

Diện tích 290 m² đất ruộng tại khu C, bản N, xã Y, tỉnh Sơn La, được tách từ thửa đất số 462 B, tờ bản đồ số 329426-6d,

Diện tích 2929 m² đất trồng cây lâu năm tại thửa đất số 29, tờ bản đồ số 326426-2d.

Diện tích 591 m² đất trồng cây lâu năm, tại N, bản N, xã Y, tỉnh Sơn La, thửa đất số 163, tờ bản đồ 329426-2c.

Được ghi trong GCNQSDĐ số Q128031 mang tên ông Hoàng Văn C do ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh Sơn La cấp ngày 22 tháng 11 năm 1999.

Tại bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Hoàng Văn K và bà Lò Thị S trình bày:

Ông Hoàng Văn K là con thứ 4 của cụ Hoàng Văn B và cụ Hà Thị S1, hai cụ sinh được 04 con gái và 04 con trai, tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì ông C là con trai út, nên sống cùng với bố mẹ, khi đó hộ khẩu trong gia đình ông cần có 06 nhân khẩu gồm cụ B cụ S1 và vợ chồng ông C bà Ó cùng với 2 con trai của ông C bà Ó. Đến năm 1999 nhà nước cấp GCNQSDĐ cho các hộ gia đình trong bản, vì là chủ hộ nên ông C đứng tên làm các thủ tục cấp GCNQSDĐ và được ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh Sơn La cấp GCNQSDĐ số Q128031 mang tên Hoàng Văn C, tại thời điểm cấp GCNQSDĐ trên hộ gia đình ông C có 6 nhân khẩu gồm có bố mẹ ông và vợ chồng ông C bà Ó cùng với 2 con trai ông C bà Ó. Trong GCNQSDĐ cấp cân đối mỗi nhân khẩu 1 suất, tương đương 2000m² nên GCNQSDĐ cấp cho ông Hoàng Văn C mới có tổng diện tích được cấp là 19252,3 m². Đến năm 2004 cụ B mất ông C và bà Ó nhiều lần xích mích với cụ S1, đuổi cụ ra khỏi nhà không chăm sóc, nên cụ S1 đã chuyển về ở cùng với vợ chồng ông K bà S, khi chuyển sang sống cùng ông bà, anh em họ hàng trong gia đình đã thống nhất giao cho ông bà chăm sóc cụ S1 và được sử dụng những tài sản mà bà mang theo (hiện nay các đương sự đang tranh chấp), cụ thể như sau:

Diện tích 1.032 m² đất ao cá, tại thửa số 18, tờ bản đồ số 326426-2d, địa chỉ thửa đất tại L, bản N, xã Y, tỉnh Sơn La;

Diện tích 100 m² đất ruộng, được tách từ thửa đất số 468A, tờ bản đồ số 329426-6d, địa chỉ thửa đất tại N, bản N, xã Y, tỉnh Sơn La;

Diện tích 290 m² đất ruộng tại khu C, bản N, xã Y, tỉnh Sơn La, được tách từ thửa đất số 462B, tờ bản đồ số 329426-6d,

Diện tích 2929 m² đất trồng cây lâu năm tại thửa đất số 29, tờ bản đồ số 326426-2d.

Diện tích 591 m² đất trồng cây lâu năm, tại N, bản N, xã Y, tỉnh Sơn La, thửa đất số 163, tờ bản đồ 329426-2c.

Ông K và bà S khẳng định toàn bộ tài sản này là của cụ S1 mang theo khi về ở với ông bà và ông vẫn sử dụng từ khi cụ S1 mất năm 2018 cho đến nay không có ai tranh chấp gì, bản thân ông cũng đã chia một nửa diện tích đất ao cho ông C nhưng ông C không nhất trí, nay ông K bà S không nhất trí trả lại những diện tích đất như trên cho gia đình ông C bà Ó vì đây là tài sản chung của cả bố mẹ ông, ông C chỉ đứng tên chủ hộ làm thủ tục cấp GCNQSDĐ, và Diện tích đất đang tranh chấp nêu trên là phần của cụ S1 mang theo khi về chung sống với ông bà, ông bà có công chăm sóc cụ S1 nên được hưởng tài sản mẹ để lại.

Trong quá trình giải quyết vụ án ngày 01/4/2026 nguyên đơn ông Hoàng Văn C có đơn đề nghị Tòa án xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đối với những diện tích đất đang tranh chấp và tài sản trên đất. Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đối với những diện tích đất và tài sản trên đất đang tranh chấp vào ngày 09/4/2026, kết quả cụ thể như sau:

- Đối với Diện tích đất ao cá, tại thửa số 18, tờ bản đồ số 326426-2d, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có diện tích 1.032 m², địa chỉ thửa đất tại L, bản N, xã Y, tỉnh Sơn La. Đo đạc hiện trạng là thửa đất số 5 trong sơ đồ trích đo hiện trạng thửa đất kèm theo, có diện tích 1.324,7 m², tăng 292,7 m² so với Giấy chứng nhận đã được cấp, có tứ cạnh tiếp giáp như sau:

Phía bắc giáp đất ông C có chiều dài 13,24 m; phía đông giáp ông C có chiều dài 59,30 m; phía nam giáp ông X, chiều dài 21,42 m; phía tây giáp ông C có khoảng cách 63,86 m. Hiện tại ông K đang sử dụng để thả cá.

Giá trị thửa đất 86.105.500đ (*T mười sáu triệu, một trăm linh năm nghìn, năm trăm đồng*).

Tài sản trên đất: Bốn bên bờ gồm có 03 bụi tre gồm 90 cây tre; 01 cây téch đường kính 20cm; 07 cây xoài đường kính 30 cm; 03 cây mít đường kính 20 cm; 01 cây me đường kính 30 cm; 02 cây xoan đường kính 10 cm, 10 năm tuổi.

Tổng giá trị tài sản trên 22.148.000đ (*Hai mươi hai triệu một trăm bốn mươi tám nghìn đồng*).

- Đất trồng cây lâu năm tại thửa đất số 29, tờ bản đồ số 326426-2d, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích 2929m². Đo đạc hiện trạng là thửa đất số 4 trong sơ đồ trích đo hiện trạng thửa đất kèm theo, có diện tích 2.247,7m², giảm 681,3m² so với Giấy chứng nhận đã được cấp. Có các tứ cạnh tiếp giáp như sau:

Phía tây bắc giáp đất bà Q, chiều dài 72,43m; phía bắc giáp ông Ú, chiều dài 3,92m, 6,54m và 17,77m; phía đông giáp nương, chiều dài 61,71m; phía nam giáp ông X, chiều dài 47,85m; phía tây nam giáp ông L, chiều dài 52,91m.

Giá trị thửa đất 121.375.800đ (*Một trăm hai mươi một triệu, ba trăm bảy mươi lăm nghìn, tám trăm đồng*).

Tài sản trên đất có 15 cây thỏ lộ, đường kính 15-20 cm.

Tổng giá trị tài sản trên đất 705.000đ (*Bảy trăm linh năm nghìn đồng*).

- Đất trồng cây lâu năm, tại N, thửa đất số 163, tờ bản đồ 329426-2c trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có diện tích 591m², Đo đạc hiện trạng là thửa đất số 2 trong sơ đồ trích đo hiện trạng thửa đất kèm theo, có diện tích 841,4 m², tăng 250,4m² so với Giấy chứng nhận đã được cấp, ông K đang sử dụng, trên đất có các tứ cạnh, tiếp giáp như sau:

Phía bắc giáp đất bà H, chiều dài 21,69m; phía bắc giáp ông X1, chiều dài 7,84m, 38,93m; phía đông nam giáp nương chiều dài 35,35m,; phía nam giáp đất cộng đồng bản, chiều dài 12,18m; phía đông nam giáp đất ông Q, chiều dài 11,69m; phía tây nam giáp đất ông L1, chiều dài 1,10m, 15,05m; phía tây giáp ông L1, chiều dài 14,10m.

Giá trị thửa đất 45.435.600đ (*Bốn mươi lăm triệu, bốn trăm ba mươi lăm nghìn, sáu trăm đồng*).

Tài sản trên đất có 03 cây me, đường kính trên 35cm; 05 cây xoài, trong đó có 01 cây trên 35cm; 04 cây có đường kính từ 15-20cm; 05 cây nhãn, trong đó có 02 cây đường kính trên 35 cm, 03 cây có đường kính 20cm.

Tổng giá trị tài sản trên 16.684.000đ (*Mười sáu triệu sáu trăm tám mươi tư nghìn đồng*).

- Đối với Diện tích đất ruộng, được tách từ thửa đất số 468A, tờ bản đồ số 329426-6d, trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, địa chỉ thửa đất tại N, bản N, xã Y, tỉnh Sơn La: Đo đạc hiện trạng là thửa đất số 3 trong sơ đồ trích đo hiện trạng thửa đất kèm theo, diện tích 119,9 m², có kích thước tứ cạnh tiếp giáp như sau:

Phía đông bắc giáp đất ông M có chiều dài 23,72 m; phía nam giáp ông C có chiều dài 7,21 m; phía tây bắc giáp nương, chiều dài 24,32 m; loại ruộng một mùa đang trồng rau màu.

Tổng giá trị tài sản trên 5.995.000đ (*Năm triệu chín trăm chín mươi lăm nghìn đồng*).

- Đối với Diện tích đất ruộng tại khu C, bản N, xã Y, tỉnh Sơn La, được tách từ thửa đất số 462 B, tờ bản đồ số 329426-6d, trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đo đạc hiện trạng là thửa đất số 1 trong sơ đồ trích đo hiện trạng thửa đất kèm theo, diện tích là 237,1m², đất ruộng lúa 1 vụ, ông K đang sử dụng, có kích thước các cạnh tiếp giáp như sau:

Phía bắc giáp ông L2, chiều dài 3,43m; phía đông nam giáp ông T1, chiều dài 3,43m; phía đông nam giáp ông H1 chiều dài chiều dài 24,41m; phía nam

giáp ông Q1, chiều dài 7,31m, phía tây giáp ông C, chiều dài 9,02m; phía tây giáp ông B1 chiều dài 30,09m; phía tây giáp ông L, chiều dài 0,46 m.

Tổng giá trị tài sản trên 15.411.500đ (*Mười lăm triệu bốn trăm mười một nghìn năm trăm đồng*).

(*Hình thể các thửa đất được thể hiện tại sơ đồ trích đo hiện trạng thửa đất kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 09/4/2026*)

Tổng cộng giá trị đất và tài sản trên đất đang tranh chấp là 313.860.400đ (*Ba trăm mười ba triệu, tám trăm sáu mươi nghìn, bốn trăm đồng*).

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các đương sự đều công nhận diện tích đất đang tranh chấp và tài sản trên đất như biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 09/4/2026 và nhất trí với kết luận định giá số 01/KL-HĐĐG ngày 14/4/2026 của Hội đồng định giá tài sản, kết luận tổng giá trị đất và tài sản trên đất đang tranh chấp có trị giá 313.860.400đ (*Ba trăm mười ba triệu, tám trăm sáu mươi nghìn, bốn trăm đồng*).

* Tại bản án dân sự sơ thẩm số 07/2026/DS-ST ngày 05/06/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - tỉnh Sơn La, quyết định:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26; Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 156; Điều 157; Điều 158; Điều 165; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 về sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật đối thoại, hoà giải tại Tòa án;

Căn cứ Điều 1; Điều 3; khoản 3 Điều 76 Luật đất đai năm 1993;

Căn cứ Điều 212 Bộ Luật dân sự 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Văn C và bà Quảng Thị Ó về việc buộc ông Hoàng Văn K và bà Lò Thị S phải trả lại các thửa đất sau:

Diện tích 1.032 m² đất ao cá, tại thửa số 18, tờ bản đồ số 326426-2d, địa chỉ thửa đất tại L, bản N, xã Y, tỉnh Sơn La.

Diện tích 2929 m² đất trồng cây lâu năm tại thửa đất số 29, tờ bản đồ số 326426-2d.

Diện tích 591 m² đất trồng cây lâu năm, tại N, bản N, xã Y, tỉnh Sơn La, thửa đất số 163, tờ bản đồ 329426-2c.

Diện tích 100 m² đất ruộng, được tách từ thửa đất số 468A, tờ bản đồ số 329426-6d, địa chỉ thửa đất tại N, bản N, xã Y, tỉnh Sơn La.

Diện tích 290 m² đất ruộng tại khu C, bản N, xã Y, tỉnh Sơn La, được tách từ thửa đất số 462 B, tờ bản đồ số 329426-6d, Được ghi trong GCNQSDĐ số Q128031 mang tên ông Hoàng Văn C do ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh Sơn La cấp ngày 22 tháng 11 năm 1999.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 20/06/2026, Nguyên đơn kháng cáo với nội dung: Không nhất trí với bản án sơ thẩm, kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 07/2026/DS-ST ngày 05/06/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Sơn La.

Tại phiên tòa phúc thẩm

Quan điểm của Nguyên đơn: Giữ nguyên nội dung kháng cáo. Đề nghị hủy bản án sơ thẩm tuyên ngày 05/06/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Sơn La chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông Hoàng Văn K và bà Lò Thị S phải trả lại các thửa đất sau:

Diện tích 1.032 m² đất ao cá, tại thửa số 18, tờ bản đồ số 326426-2d, địa chỉ thửa đất tại L, bản N, xã Y, tỉnh Sơn La.

Diện tích 2929 m² đất trồng cây lâu năm tại thửa đất số 29, tờ bản đồ số 326426-2d.

Diện tích 591 m² đất trồng cây lâu năm, tại N, bản N, xã Y, tỉnh Sơn La, thửa đất số 163, tờ bản đồ 329426-2c.

Diện tích 100 m² đất ruộng, được tách từ thửa đất số 468A, tờ bản đồ số 329426-6d, địa chỉ thửa đất tại N, bản N, xã Y, tỉnh Sơn La.

Diện tích 290 m² đất ruộng tại khu C, bản N, xã Y, tỉnh Sơn La, được tách từ thửa đất ô 462 B, tờ bản đồ số 329426-6d, Được ghi trong GCNQSDĐ số Q128031 mang tên ông Hoàng Văn C do ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh Sơn La cấp ngày 22 tháng 11 năm 1999.

Ý kiến của bị đơn: Không nhất trí với nội dung kháng cáo, yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm số 07/2026/DS-ST ngày 05/06/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 4- Sơn La.

Quan điểm giải quyết của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện và chấp hành đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hướng giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của Nguyên đơn ông Hoàng Văn C và bà Quàng Thị Ó. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 07/2026/DSST ngày 05/06/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Sơn La.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng

[1.1] Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 20/06/2026, Bị đơn có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm số 07/2026/DS-ST ngày 05/06/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - tỉnh Sơn La. Xét thấy đơn kháng cáo trong hạn luật định, đảm bảo về hình thức và nội dung theo quy định tại các Điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự, do vậy được chấp nhận giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn ông Hoàng Văn C và bà Quàng Thị Ó yêu cầu bên phía bị đơn ông Hoàng Văn K và bà Lò Thị S phải trả lại diện tích đất tranh chấp tại bản N, xã Y, tỉnh Sơn La. Do đó cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là Tranh chấp quyền sử dụng đất là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của ông Hoàng Văn C và bà Quàng Thị Ó, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Về nguồn gốc đất: Quá trình giải quyết tại Tòa án nhân dân khu vực 4 – Sơn La và tại phiên tòa phúc thẩm, ông Hoàng Văn C xác nhận nguồn gốc đất được cấp theo GCNQSDĐ số Q128031 với tổng diện tích 19.253 m² do bố mẹ của ông Hoàng Văn C và ông Hoàng Văn K là cụ Hoàng Văn B và Hà Thị S1 tạo lập trong quá trình sinh sống. Ông C là con út nên sinh sống cùng bố mẹ.

Ngày 22/11/1999 diện tích đất nêu trên được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu mang tên ông Hoàng Văn C.

[2.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Yêu cầu bên phía bị đơn ông Hoàng Văn K và bà Lò Thị S phải trả lại diện tích đất tranh chấp tại bản N, xã Y, tỉnh Sơn La:

[2.2.1] Căn cứ kết quả xác minh ngày 09/4/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Sơn La đối với ông Hoàng Văn X1 trưởng bản N, xã Y xác định diện tích đất tranh chấp được cấp theo nhân khẩu, mỗi nhân khẩu tương ứng với 2.000m², gia đình ông C ông K đã thống nhất giao theo xuất của cụ Hà Thị S1 sang cho gia đình ông K quản lý sử dụng, vì có trách nhiệm chăm sóc bà thì được sử dụng diện tích đất này.

[2.2.2] Qua lời khai của các đương sự, kết quả xác minh tại địa phương và tài liệu có trong hồ sơ thể hiện: Thời điểm được cấp giấy chứng nhận, ông C là người đang sống cùng bố mẹ là cụ B, cụ S1, thời điểm đó các anh em trong gia đình đều đã ra ở riêng; Đất có nguồn gốc gia đình, gắn với suất đất được Nhà nước giao theo nhân khẩu (mỗi nhân khẩu được giao 2000m²) tại thời điểm cấp GCNQSDD.

[2.2.3] Quá trình xem xét thẩm định tại chỗ thể hiện hiện nay các diện tích đất tranh chấp do ông Hoàng Văn K quản lý, sử dụng ổn định; trên đất có nhiều cây trồng lâu năm, ao cá đã được cải tạo và sử dụng liên tục trong thời gian dài. Mặc dù ông Hoàng Văn C cho rằng toàn bộ diện tích đất tranh chấp là tài sản riêng của ông C và chỉ cho ông K mượn để nuôi dưỡng cụ S1, khi cụ S1 mất năm 2018 ông C mới đòi lại, tuy nhiên ông C không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc cho mượn tài sản có thời hạn hoặc việc các bên thống nhất đây chỉ là quan hệ mượn tài sản.

[2.2.4] Tại Công văn số 17/CAX ngày 26/5/2026 của Công an xã Y cung cấp theo yêu cầu của Tòa án: Công an xã Y đã tiến hành xác minh và tra cứu tăng thư hồ sơ hộ khẩu, kết quả tra cứu: Từ 26/5/1997 đến tháng 9/2004 đến, sổ sổ hộ khẩu 03, mang tên Hoàng Văn B2 (Do nhầm lẫn tên cụ B ghi thành Bọc) đã xác định các thành viên hộ gia đình tại thời điểm được cấp sổ, gồm 06 nhân khẩu: ông Hoàng Văn B2 (Bạc) (bố đẻ ông C ông K); bà Hà Thị S1 (mẹ đẻ ông C, ông K); ông Hoàng Văn C; bà Quảng Thị Ó1 (vợ ông C); anh Hoàng Văn C1 (con trai ông C) và anh Hoàng Văn T2 (con trai ông C).

[2.2.5] Qua khai thác hồ sơ địa chính tại cơ quan có thẩm quyền văn phòng đăng ký đất đai khu vực VIII – tỉnh Sơn La, gồm: Sổ địa chính, Biên bản bàn giao đất, Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất. Trong đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất của ông C ngày 30/3/1999 thể hiện chủ sử dụng đất là hộ ông Hoàng Văn C, năm sinh 1972, sổ sổ đăng ký hộ khẩu 03: 6 nhân khẩu, sổ đăng ký hộ khẩu và số nhân khẩu khớp với xác nhận hộ khẩu số 17/CAX, ngày 26/5/2026 của công an xã Y, số thửa đất xin đăng ký được kê khai và số tổng diện tích đăng ký trùng khớp với các thửa đất và diện tích trong GCNQSDD số Q128031

mang tên ông Hoàng Văn C do ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh Sơn La cấp ngày 22 tháng 11 năm 1999, tại phần ghi chú của đơn có ghi “Chủ sử dụng đất là hộ gia đình, cần ghi rõ hộ ông (Bà) và họ tên chủ hộ, hộ gia đình chỉ kê khai phần diện tích thuộc quyền sử dụng chung của cả hộ gia đình, thửa đất thuộc quyền sở hữu riêng của một số thành viên trong hộ gia đình phải làm đơn riêng”, UBND xã C đã có ý kiến và xác nhận trong đơn, nhất trí theo đơn đăng ký quyền sử dụng đất của hộ gia đình, như vậy đã đủ căn cứ khẳng định các thửa đất đang tranh chấp đã được ông C kê khai trong đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất cấp cho hộ gia đình để làm căn cứ cấp giấy GCNQSDĐ số Q128031 mang tên ông Hoàng Văn C do ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh Sơn La cấp ngày 22 tháng 11 năm 1999.

[2.2.6] Trên cơ sở kết quả xác minh của Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La tại Công văn số 492/CV-TA ngày 13/8/2026 về việc làm rõ hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ngày 22/8/2026, UBND xã Y, tỉnh Sơn La đã có Công văn số 1778/UBND-KT trả lời, làm rõ các nội dung theo yêu cầu xác minh của Tòa án, với nội dung cụ thể như sau: Xác định GCNQSDĐ số 128031 do UBND huyện Y cấp ngày 22/11/1999 có ghi tên người sử dụng đất là ông Hoàng Văn C là không khớp với hồ sơ cấp GCNQSDĐ, sai lệch thông tin giữa GCNQSDĐ và hồ sơ địa chính là sai sót khi thực hiện biên tập. Căn cứ khoản 1 Điều 152 Luật đất đai 2024 về đính chính GCNQSDĐ đã cấp quy định như sau: *“Việc đính chính GCNQSDĐ các đương sự và cơ quan có thẩm quyền có nghĩa vụ đính chính lại GCNQSDĐ theo quy định.”*

[2.2.7] Qua lời khai của bị đơn, đại diện chính quyền địa phương tại và các tài liệu xác minh đều phù hợp với nhau về việc diện tích đất tranh chấp nằm trong GCNQSDĐ cấp cho hộ gia đình ông C, không thuộc quyền sử dụng đất của một mình ông C mà trong đó có 02 suất của cụ S1, và cụ B. Cụ Hà Thị S1 được gia đình thống nhất giao phần diện tích (đang tranh chấp) cho ông K sử dụng gắn với trách nhiệm chăm sóc, phụng dưỡng cụ S1.

[2.3] Từ những căn cứ nêu trên bản án sơ thẩm đã xác định diện tích đất đang có tranh chấp không phải là tài sản riêng của ông Hoàng Văn C, việc cấp quyền là do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp cho hộ gia đình năm 1999, trong đó có quyền sở hữu của bố mẹ ông C là cụ Hoàng Văn B và cụ Hà Thị S1, là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Đối với nội dung yêu cầu chia thừa kế do Tòa án nhân dân khu vực 4 – Sơn La không thụ lý trong vụ án này, do đó các đương sự có quyền khởi kiện một vụ án khác nếu có yêu cầu.

[4] Do đó tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả lại các thửa đất tại bản N, xã Y, tỉnh Sơn La là có căn cứ và đúng pháp luật. Từ những phân tích nêu trên, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Hoàng Văn C và bà Quàng Thị Ó, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 4 - tỉnh Sơn La.

[5] Về án phí phúc thẩm: Nguyên đơn ông Hoàng Văn C và bà Quàng Thị Ó phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông nguyên đơn ông Hoàng Văn C và bà Quàng Thị Ó.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 07/2026/DSST ngày 05/06/2026 của Tòa án nhân dân huyện khu vực 4 - Sơn La

2. Về án phí phúc thẩm:

Nguyên đơn ông Hoàng Văn C và bà Quàng Thị Ó phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000002 ngày 02/7/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (09/09/2026).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sơn La;
- Tòa án nhân dân khu vực 4;
- THADS tỉnh Sơn La;
- Các đương sự;
- Phòng GD, KT, TT và THA;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lại Thị Hiếu

